

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Lê Quang Xệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; thường trú: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Nhà trọ Lý Thị L thuộc tổ 5, khu phố K, phường Y, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; thường trú: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Tổ 5, khu phố K, phường Y, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện X, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40, quyền số 01/05, ngày 16/5/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mỗi lần cãi nhau, ông T thường đánh bà N. Bà N đã cố gắng nhường nhịn với hi vọng ông T sẽ thay đổi, không đánh vợ con nữa nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 01/3/2005; khi ly hôn bà Nguyễn Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 23/02/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T thống nhất với bà N về qua hệ hôn nhân. Tuy nhiên ông T không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng cùng đoàn tụ để cùng nuôi dạy, chăm sóc con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, bà N và ông T đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn T đều có văn bản trình bày ý kiến và đơn xin xét xử vắng

mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện X, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40, quyển số 01/05, ngày 16/5/2005, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mỗi lần cãi nhau, ông T thường đánh bà N. Bà N đã cố gắng chịu đựng với hi vọng ông T sẽ thay đổi nhưng vẫn có có kết quả. Ông T không đồng ý với yêu cầu của bà N nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 01/3/2005. Hiện nay cháu Tr đang sống cùng bà N, điều kiện chăm sóc, giáo dục được đảm bảo. Tại bản tự khai, cháu Tr cũng có nguyện vọng được sống với mẹ là bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Kiều Tr cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 01/3/2005 cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005650 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm